VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

THÔNG TƯ
Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo và xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo

Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

Chương II
NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Các loại báo cáo

1. Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Báo cáo kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Đối tượng thực hiện báo cáo

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Khu Công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Cơ quan nhận báo cáo

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan nhận các báo cáo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Tần suất báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Tần suất báo cáo: Hằng năm

2. Thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

b) Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Điều 8. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới một trong các hình thức sau đây:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đóng dấu theo quy định và gửi bản mềm (file.doc) qua hệ thống thư điện tử;

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và được gửi, nhận thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Báo cáo được gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia;

b) Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

d) Gửi trực tiếp;

đ) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

e) Gửi qua fax.

Chương III
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 10. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được xây dựng bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 15 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các yêu cầu về chức năng cơ bản quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ thường xuyên rà soát, đánh giá quy định về việc thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Công bố Danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc tham mưu ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;

b) Quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin:

a) Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

b) Thực hiện các biện pháp giám sát, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước gửi Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành: Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8

năm 2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường; Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

3. Đối với các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ đang có hiệu lực thi hành được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

4. Các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực thi hành đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

5. Các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành sau khi Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện theo các nguyên tắc, yêu cầu tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và tại Thông tư này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng Thông tư này ban hành chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Thế Duy

Phụ lục

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC

PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu báo cáo	Đơn vị gửi báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	Mẫu số 01	Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Năm	20/12
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	Năm	20/12
3	Mẫu số 03	Báo cáo kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao	Khu công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ thành lập	Bộ KH&CN	Năm	20/12
4	Mẫu số 04	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"	Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bộ KH&CN	Năm	20/12

Mẫu số 01
03/2019/TT-BKHCN

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-...	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động quản lý nhà nước
về khoa học và công nghệ tại địa phương
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Phần I
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ

Tình hình, kết quả xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ (KH&CN) *(trong đó nêu rõ số lượng văn bản được ban hành, tên văn bản, ngày tháng năm ban hành và trích yếu nội dung văn bản).*

II. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Tình hình, kết quả thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; một số kết quả nổi bật có tác động lớn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương *(Biểu số 01.01/KHCNĐP-NCKH).*

2. Hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ

- Tình hình, kết quả thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư *(Biểu số 01.02/KHCNĐP-TĐ).*

- Tình hình, kết quả thẩm định kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước *(Biểu số 01.03/KHCNĐP-TĐNV)*.

- Tình hình, kết quả chuyển giao công nghệ *(Mẫu số 10, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ)*.

III. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN *(Biểu số 01.04/KHCNĐP-TCKHCN)*.

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN *(Biểu số 01.05/KHCNĐP-DNKHCN)*.

2. Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ

Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo nhân lực KH&CN *(Biểu số 01.06/KHCNĐP-NLKHCN)*.

3. Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Tình hình, kết quả phát triển hạ tầng KH&CN: Khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung.

- Tình hình triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập *(Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC)*.

4. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Tình hình, kết quả tổ chức các hoạt động phát triển thị trường KH&CN: Công tác tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ, kết nối cung cầu công nghệ; công tác thông tin công nghệ; công tác tổ chức sự kiện KH&CN; một số kết quả nổi bật khác *(Biểu số 01.08/KHCNĐP-PTTT)*.

5. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

- Tình hình thu thập, đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN.

- Tình hình phát triển nguồn tin KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu KH&CN trong nước và quốc tế.

- Tình hình khai thác, sử dụng nguồn tin trên hạ tầng mạng thông tin KH&CN tiên tiến (VinaREN).

(Biểu số 01.09/KHCNĐP-TTKHCN).

6. Kinh phí khoa học và công nghệ

Tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN (*Biểu số 01.10/KHCNĐP-KP).*

7. Hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ địa phương

Tình hình hoạt động và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN địa phương *(Biểu số 01.11/KHCNĐP-QUY).*

IV. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Về tiêu chuẩn

Tình hình, kết quả xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương *(Biểu số 01.12/KHCNĐP-QCKT).*

2. Về đo lường

Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường (chú trọng báo cáo tình hình thực hiện kiểm tra đặc thù trong kiểm tra đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu) *(Biểu số 01.13/KHCNĐP-ĐL).*

3. Về đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Tình hình, kết quả hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy *(Biểu số 01.14/KHCNĐP-HCHQ).*

- Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp *(Biểu số 01.15/KHCNĐP-ĐGSPH).*

- Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý (*Biểu số 01.16/KHCNĐP-CL).*

4. Về xét tặng giải thưởng chất lượng

Tình hình quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố *(Biểu số 01.17/KHCNĐP-GTCL).*

5. Về việc triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Tình hình, kết quả triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010; Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014; Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018; Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019.

6. Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (hoạt động về TBT)

V. Hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Tình hình, kết quả quản lý về sở hữu trí tuệ

- Tình hình đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp; xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

- Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (các dự án thuộc Chương trình 68; chương trình, dự án địa phương).

(Biểu số 01.18/KHCNĐP-SHTT).

2. Tình hình, kết quả triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo; phổ biến sáng kiến *(Biểu mẫu báo cáo được thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ).*

VI. Hoạt động phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

1. Tình hình, kết quả phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử

- Tình hình, kết quả phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các lĩnh vực y tế, công nghiệp, nông nghiệp (trong đó nêu rõ tên giống đột biến phóng xạ, ký hiệu giống, diện tích gieo trồng, năng suất trung bình trong vụ, sản lượng trong năm), tài nguyên môi trường và các ngành kinh tế - kỹ thuật (*Biểu số 01.19/KHCNĐP-NLNT)*.

- Tình hình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; thông tin, tuyên truyền về năng lượng nguyên tử.

2. Tình hình, kết quả quản lý về an toàn bức xạ và hạt nhân

- Tình hình, kết quả cấp phép tiến hành công việc bức xạ; đào tạo an toàn bức xạ; bảo đảm an toàn bức xạ.

- Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

(Biểu số 01.20/KHCNĐP-ATBX).

VII. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN

1. Tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt

2. Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN *(Biểu số 01.21/KHCNĐP-TTRA)*.

3. Công tác xây dựng lực lượng, bồi dưỡng nghiệp vụ và công tác khác

VIII. Hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế

Kết quả triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN.

IX. Đánh giá chung

(Đánh giá cụ thể trong từng lĩnh vực từ mục I đến mục VIII nêu trên).

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

PHẦN II
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRONG NĂM TIẾP THEO

I. Nhiệm vụ công tác năm tiếp theo

(Nêu cụ thể trong từng lĩnh vực từ mục I đến mục VIII phần I của Báo cáo).

II. Giải pháp, kiến nghị, đề xuất

1. Giải pháp thực hiện

2. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu số 01.01/KHCNĐP-NCKH

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	**Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học**			*Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí trong nước và tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus.*
1				
2				
...				
II	**Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới**			*Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền).*
1				
2				
...				
III	**Doanh nghiệp KH&CN được thành lập**			*Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...*

1				
2				
...				
IV	**Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình**			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			*Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện.*
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			*Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKH&CN của doanh nghiệp và các nguồn khác).*
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			*Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKH&CN của doanh nghiệp và các nguồn khác).*
V	**Kết quả khác**			*Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả.*

2. Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật tại địa phương

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ *(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ...)*	Hiệu quả kinh tế - xã hội *(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)*	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Biểu số 01.02/KHCNĐP-TĐ

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả thẩm định cơ sở khoa học Chương trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH)

STT	Tên chương trình phát triển KT-XH	Thẩm quyền quyết định phê duyệt chương trình phát triển KT-XH	Cơ quan đề nghị thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển KT-XH	Nguồn vốn và giá trị thực hiện chương trình phát triển KT-XH	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
...					

2. Kết quả thẩm định công nghệ dự án đầu tư

2.1. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư:

STT	Tên dự án; tên, địa chỉ nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng *(tích dấu "X")*	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/ hạn chế chuyển giao *(ghi thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích hoặc hạn chế chuyển giao nếu có)*	Dự án bị từ chối *(nêu lý do từ chối: công nghệ, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc không phù hợp quy hoạch;...)*	Ghi chú	
								Ghi "giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư" hoặc "giai đoạn quyết định đầu tư"	*(ghi "thẩm định" hoặc ghi "có ý kiến")*
I	**Dự án do cơ quan chuyên môn về KH&CN (Sở KH&CN) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ**								
1									
2									
3									
...									

II	**Dự án do cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở hoặc cơ quan tương đương Sở quản lý ngành, lĩnh vực) chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ**								
1									
2									
3									
...									

2.2. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công:

STT	**Tên dự án; tên chủ đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư**	**Tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư dự án**	**Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án**	**Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án**	**Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng** *(tích dấu "X")*	**Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao** *(ghi thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích hoặc hạn chế chuyển giao nếu có)*	**Dự án bị từ chối** *(nêu lý do từ chối: công nghệ, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc không phù hợp quy hoạch;...)*	**Ghi chú** *(ghi "giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư" hoặc "giai đoạn quyết định đầu tư")*
I	**Dự án nhóm A**							
1								
2								
...								

II	**Dự án nhóm B**							
1								
2								
...								
III	**Dự án nhóm C**							
1								
2								
...								

Biểu số 01.03/KHCNĐP-TĐNV

THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Về thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị thẩm định	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ *(số, ngày cấp)*	Không cấp Giấy xác nhận thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ *(tích dấu "X")*
1						
2						
...						

2. Về đánh giá và thẩm định các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Thông tin về tổ chức/ cá nhân đề nghị đánh giá	Thời gian thực hiện nhiệm vụ	Địa điểm thực hiện nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	
					Cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định *(số, ngày cấp)*	Không cấp Giấy xác nhận đánh giá và thẩm định *(tích dấu "X")*
1						
2						
...						

Biểu số 01.04/KHCNĐP-TCKHCN

KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày.... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức KH&CN	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Cơ quan quản lý trực tiếp	Hình thức		
					Cấp mới	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1							
2							
3							
4							
5							
....							
	Tổng số				**...**	**...**	**...**

Biểu số 01.05/KHCNĐP-DNKHCN

TÌNH HÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Số lượng hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN đã tiếp nhận và xử lý (từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...)[1]:

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ, điện thoại liên hệ	Thời gian thành lập và hoạt động	Người đại diện doanh nghiệp	Ngày nộp hồ sơ	Kết quả KH&CN đề nghị công nhận doanh nghiệp KH&CN			Tình trạng xử lý hồ sơ *(đã cấp/không cấp/đang thẩm định)*[2]
						Tên kết quả KH&CN	Nguồn gốc kinh phí (từ ngân sách nhà nước hay từ nguồn khác)	Tình trạng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	
1									
2									
3									
4									
5									
...									

[1] Ngày theo kỳ báo cáo.
[2] Nếu không cấp đề nghị ghi rõ lý do.

2. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN

Đơn vị tính: triệu đồng[3]

STT	Tên doanh nghiệp (*ghi rõ nguồn gốc hình thành doanh nghiệp*)[4]	Tình trạng (*đang hoạt động/ngừng hoạt động/ giải thể/ phá sản/ đã thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN*)	Tình trạng sở hữu[5]	Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm[6]	Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN	Tổng doanh thu (*triệu đồng*)	Doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (*triệu đồng*)	Tổng lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (*triệu đồng*)	Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*triệu đồng*)	Tiền thuê đất được miễn, giảm (*triệu đồng*)	Vay vốn tín dụng ưu đãi[7] (*triệu đồng*)	Trích lập quỹ phát triển KH&CN (*triệu đồng*)	Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (*triệu đồng*)[8]	Các ưu đãi, hỗ trợ khác (*mà doanh nghiệp được hưởng*)	Tổng số lao động (*người*)
1																
2																
3																
4																
...																

[3] Sử dụng dấu chấm để phân chia hàng nghìn, dấu phẩy để chia số thập phân.

[4] Ghi rõ: - Doanh nghiệp mới thành lập (dưới 5 năm);
- Doanh nghiệp chuyển đổi từ tổ chức KH&CN công lập;
- Hoặc doanh nghiệp chuyển đổi từ doanh nghiệp đang hoạt động.

[5] Ghi rõ: Doanh nghiệp có vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp không có vốn nhà nước.

[6] Tổng kinh phí đầu tư cho KH&CN của năm: bao gồm kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới, ứng dụng công nghệ.

[7] Vay vốn tín dụng ưu đãi: nêu số vốn được vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam và các quỹ phát triển KH&CN của nhà nước.

[8] Đối với việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài, dự án, dự án sản xuất thử nghiệm) sử dụng ngân sách nhà nước: nêu mức kinh phí được ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ.

Biểu số 01.06/KHCNĐP-NLKHCN

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*	Kinh phí *(triệu đồng)*
I	**Tuyển dụng đặc cách**		
II	**Bố trí, sử dụng cán bộ KH&CN**		
1	Giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
2	Bố trí, quy hoạch vị trí lãnh đạo trong tổ chức		
III	**Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&CN của đội ngũ cán bộ KH&CN**		
1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động KH&CN		
2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức KH&CN		
3	Hỗ trợ cá nhân hoạt động KH&CN tham gia hội thảo khoa học trong nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác KH&CN		

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*	Kinh phí *(triệu đồng)*
IV	**Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN**		
1	Về nâng lương vượt bậc		
2	Về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác		
3	Về kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ		
4	Về nhà khoa học đầu ngành		
5	Về nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng		
6	Về nhà khoa học trẻ tài năng		
7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ KH&CN		
7.1	Nâng cao trình độ chuyên môn		
7.2	Kỹ năng quản lý KH&CN		
7.3	Đào tạo theo nhóm nghiên cứu		
...	...		

2. Tình hình, kết quả đào tạo nhân lực KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*		Kinh phí *(triệu đồng)*
		Đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia KH&CN			
2	Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu			
3	Bồi dưỡng sau tiến sỹ			
4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý KH&CN			
5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN			
6	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khác *(đề nghị thống kê nội dung cụ thể)*			

Biểu số 01.07/KHCNĐP-CCTC

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	**Số tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý**		
1	Số tổ chức chưa phê duyệt phương án tự chủ		
2	Số tổ chức đã phê duyệt phương án tự chủ		
2.1	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
2.2	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên		
2.3	Số tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		
2.4	Số tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
3	Số tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp		
II	**Số tổ chức đã chuyển thành công ty cổ phần**		

Biểu số 01.08/KHCNĐP-PTTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Số lượng tổ chức trung gian của thị trường KH&CN

STT	Tên tổ chức trung gian	Số lượng
1	Sàn giao dịch công nghệ	
2	Trung tâm giao dịch công nghệ	
3	Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ	
4	Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ	
5	Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	
6	Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	
	Tổng số	

2. Kết quả tổ chức sự kiện KH&CN

STT	Sự kiện KH&CN	Số lượng người tham gia	Số lượng Hợp đồng chuyển giao công nghệ	Giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ *(triệu đồng)*
1	Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart)			
2	Sự kiện kết nối cung cầu (Techdemo)			
3	Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Techfest)			
4	Các sự kiện KH&CN khác...			

Biểu số 01.09/KHCNĐP-TTKHCN

CÔNG TÁC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Tổng số nhiệm vụ KH&CN	Số nhiệm vụ đang tiến hành	Số nhiệm vụ được nghiệm thu và đăng ký kết quả	Số nhiệm vụ đã đưa vào ứng dụng

2. Công tác phát triển nguồn tin KH&CN

STT	Loại nguồn tin KH&CN	Mua bằng NSNN		Trao đổi/Biếu tặng		Tự xuất bản	
		Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử
1	Sách *(số tên)*						
2	Báo/Bản tin *(số lượng)*						
3	Tạp chí/ấn phẩm liên tục *(số lượng)*						
4	Cơ sở dữ liệu *(số CSDL)*						
5	Loại khác *(ghi cụ thể loại tài liệu, số lượng)*						

3. Cơ sở dữ liệu KH&CN trong nước và quốc tế

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Loại cơ sở dữ liệu *(thư mục, tóm tắt, toàn văn)*	Tổng số biểu ghi	Cho phép khai thác online *(Có/Không)*
1				
2				
...				

Biểu số 01.10/KHCNĐP-KP

TÌNH HÌNH PHÂN BỔ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí TW giao	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
I	**Kinh phí sự nghiệp KH&CN**	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN trung ương ủy quyền địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)			
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện			
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước			
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện			
6	Chi các đơn vị sự nghiệp			
7	Chi nâng cao năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp			
8	Chi khác			

STT	Nội dung	Kinh phí TW giao	Kinh phí do UBND cấp tỉnh phê duyệt	Kinh phí thực hiện
II	**Kinh phí đầu tư phát triển**	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*
1	Dự án 1			
2	Dự án 2			
...				
	Tổng số (I + II)	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*

Biểu số 01.11/KHCNĐP-QUY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày.... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện
1	Hoạt động tài trợ	
2	Hoạt động nâng cao năng lực	
3	Bảo lãnh vốn vay	
4	Cho vay	
5	Các hoạt động khác	
	Tổng số	

Biểu số 01.12/KHCNĐP-QCKT

TÌNH HÌNH BAN HÀNH
QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Ký hiệu quy chuẩn địa phương
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Biểu số 01.13/KHCNĐP-ĐL

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Đối tượng thanh tra, kiểm tra	Kết quả	Số lượng	Ghi chú
1	Phương tiện đo (PTĐ)	Số đợt thanh tra, kiểm tra		
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
		Số lượng PTĐ được thanh tra, kiểm tra		
		Số PTĐ vi phạm		
2	Phép đo	Số đợt thanh tra, kiểm tra		
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
		Số lượng phép đo được thanh tra, kiểm tra		
		Số cơ sở vi phạm		
3	Lượng của hàng đóng gói sẵn	Số đợt thanh tra, kiểm tra		
		Số lượng cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
		Số hàng đóng gói sẵn được thanh tra, kiểm tra		
		Số cơ sở vi phạm		
4	Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Số đợt thanh tra, kiểm tra		
		Số tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được thanh tra, kiểm tra		
		Số cơ sở vi phạm		

Biểu số 01.14/KHCNĐP-HCHQ

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN
HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
					Bên thứ nhất (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/ được chỉ định)	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
1							
2							
3							
4							
5							
....							

Tổng số hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy đã tiếp nhận:.....

Biểu số 01.15/KHCNĐP-ĐGSPH

TÌNH HÌNH CHỈ ĐỊNH
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp	Số Quyết định	Ngày ban hành	Lĩnh vực/ đối tượng	Hình thức		
					Chỉ định lần đầu	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1							
2							
3							
4							
5							
....							
	Tổng số				**...**	**...**	**...**

Biểu số 01.16/KHCNĐP-CL

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT/ TRONG NHẬP KHẨU/TRONG LƯU THÔNG[9]

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Chủng loại hàng hóa được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số lượng SPHH được thanh tra, kiểm tra	Hàng hóa vi phạm		Cơ sở vi phạm		Kết quả xử lý
				Số lượng	Giá trị	Số lượt cơ sở vi phạm	Số lượt cơ sở bị xử lý	
1								
2								
3								
4								
5								
...								
Tổng								

[9] *Kết quả tình hình thanh tra, kiểm tra cần tách thành các Phụ lục riêng đối với từng loại hình thanh tra, kiểm tra (ví dụ: Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra trong sản xuất thì làm riêng thành một Phụ lục về tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng SPHH trong sản xuất).*

Biểu số 01.17/KHCNĐP-GTCL

CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Cấp Giấy xác nhận (GXN) đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh, thành phố

STT	Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp GXN	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định cấp GXN	Tên giải thưởng	Thời gian tổ chức xét thưởng
1					
2					
...					

2. Quản lý xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố

STT	Tên tổ chức, cá nhân tổ chức xét thưởng	Địa chỉ, số điện thoại, email	Quyết định đã được cấp GXN	Tên giải thưởng	Kết quả tổ chức xét thưởng
1					
2					
...					

Biểu số 01.18/KHCNĐP-SHTT

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Công tác đào tạo, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ (SHTT)

STT	Nội dung đào tạo, tuyên truyền	Hình thức đào tạo, tuyên truyền	Đối tượng chính	Cơ quan tổ chức	Số lượt người	Thời gian
1						
2						
...						

2. Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN)

Đối tượng SHCN	Xác lập quyền SHCN (Số lượt hướng dẫn)	Bảo vệ quyền SHCN		
		Số lượt hướng dẫn	Số vụ được hướng dẫn và đã nộp đơn	Số vụ được giải quyết
Nhãn hiệu				
Chỉ dẫn địa lý				
Kiểu dáng công nghiệp				
Sáng chế/giải pháp hữu ích				
Các đối tượng khác (Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại...)				

3. Công tác xử lý xâm phạm quyền SHCN

Xâm phạm quyền SHCN		Sở KH&CN	Quản lý thị trường	Công an	Hải quan	UBND	
						UBND cấp huyện	UBND cấp tỉnh
Đối tượng quyền SHCN[10]	Số vụ						
	Phạt cảnh cáo *(vụ)*						
	Phạt tiền *(vụ)*						
	Tổng số tiền phạt *(triệu đồng)*						
	Số sản phẩm bị xử lý						
	Số vụ cần trưng cầu giám định/xin ý kiến chuyên môn						

4. Công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng dự án, nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được phê duyệt	Dự án		
2	Số SC/GPHI được hỗ trợ bảo hộ, khai thác	Giải pháp		
3	Số sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHTT	Sản phẩm		
4	Số lượng tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng	Hội, Hiệp hội		
5	Số lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT	Lượt người		
6	Số lượt doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT	Lượt doanh nghiệp		
7	Số lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về SHTT	Lượt phát sóng		
8	Tổng số kinh phí chi cho hoạt động SHTT được phê duyệt	Triệu đồng		

[10] Ghi rõ từng đối tượng SHCN gồm: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn…

Biểu số 01.19/KHCNĐP-NLNT

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực y tế

STT	Nội dung	Y học hạt nhân[11]	Xạ trị[12]	X-quang, MRI
1	Số cơ sở có ứng dụng			
2	Số thiết bị			
3	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo			
4	Số bác sỹ			
5	Số kỹ thuật viên			
6	Số bệnh nhân được chẩn đoán/điều trị			
7	Tổng hoạt độ dược chất phóng xạ được sử dụng trong kỳ báo cáo (mCi)			

2. Ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực công nghiệp

STT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	Công nghiệp bia nước giải khát, giấy và khác
1	Số cơ sở có ứng dụng						

[11] Thiết bị y học hạt nhân: SPECT, SPECT/CT, PET/CT, Cyclotron,…
[12] Thiết bị xạ trị: xạ trị Co-60, LINAC, HDR, gamma knife, cyber knife.

STT	Nội dung	Lĩnh vực ứng dụng					
		Soi an ninh hải quan	Soi bo mạch, linh kiện	Công nghiệp hóa chất, phân bón	Công nghiệp dầu khí	Công nghiệp thép, xi măng	Công nghiệp bia nước giải khát, giấy và khác
2	Tổng số nguồn phóng xạ kín						
3	Tổng số thiết bị bức xạ						
4	Số thiết bị được lắp đặt mới trong kỳ báo cáo						
5	Số nhân viên bức xạ						

3. Chiếu xạ công nghiệp

STT	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp	Số thiết bị	Khối lượng chiếu xạ trong kỳ báo cáo *(tấn/m^3)*			
			Hải sản	Trái cây	Chiếu xạ khử trùng y tế	Mặt hàng khác
1	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng nguồn Co 60					
2	Thiết bị chiếu xạ công nghiệp dùng máy gia tốc					

Biểu số 01.20/KHCNĐP-ATBX

CÔNG TÁC QUẢN LÝ
VỀ AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm đến ngày.... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình cấp phép tiến hành công việc bức xạ

STT	Tên cơ sở	Số giấy phép	Ngày cấp	Số lượng nhân viên bức xạ	Số lượng thiết bị X-quang	Số lượng thiết bị PET/CT	Số lượng thiết bị SPECT/CT
1							
2							
...							
	Tổng số				**...**	**...**	**...**

2. Đánh giá tình hình thực hiện quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân

Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ và hạt nhân:

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	
1	Chấp hành các quy định về khai báo, đề nghị cấp giấy phép							
2	Bổ nhiệm người phụ trách an toàn theo quy định							
3	Chấp hành quy định về cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ, đào tạo về an toàn bức xạ							

STT	Nội dung đánh giá	Tốt		Chưa tốt		Chưa thực hiện		Ghi chú
		Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	Số cơ sở	Tỷ lệ (%)	
4	Theo dõi và đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ							
5	Khám và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe định kỳ đối với nhân viên bức xạ							
6	Công tác quản lý hồ sơ về an toàn bức xạ							
7	Nhật ký vận hành, sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ; sổ theo dõi về sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị bức xạ							
8	Quy trình tiến hành công việc bức xạ							
9	Nội quy an toàn bức xạ							
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ							
11	Thực hiện các quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ							
12	Thực hiện kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ, kiểm xạ định kỳ khu vực tiến hành công việc bức xạ							
13	Dấu hiệu cảnh báo bức xạ							
14	Kiểm tra đánh giá an toàn việc đối với công việc bức xạ của cơ sở (kiểm tra thực tế của Đoàn thanh tra, kiểm tra)							
15	Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và các yêu cầu, kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra về an toàn bức xạ							
16	Thực hiện việc báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hàng năm và khi được yêu cầu.							

Biểu số 01.21/KHCNĐP-TTRA

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA
TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Lĩnh vực[13]	Số cuộc thanh tra, kiểm tra			Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Kết quả																			Ghi chú
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập					Số có vi phạm			Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành			Số tiền vi phạm			Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm			Số tiền xử phạt vi phạm			Số tiền đã thu			
				Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Tịch thu (thành tiền)	Tiêu hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27

Lưu ý:

Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21.

[13] Ghi cụ thể từng lĩnh vực theo thứ tự: Hoạt động KH&CN và chuyển giao công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu công nghiệp; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

Mẫu số 02
03/2019/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-.....	*....., ngày..... tháng..... năm 20...*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về
khoa học và công nghệ của các bộ, ngành
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm....)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Phần I
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật

Tình hình, kết quả xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về KH&CN *(trong đó nêu rõ số lượng văn bản được ban hành, tên văn bản, ngày tháng năm ban hành và trích yếu nội dung văn bản).*

II. Hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN được giao trong Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị, quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia.

- Một số kết quả nổi bật có tác động lớn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(Biểu số 02.01/KHCNTW-NCKH).

2. Hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ

- Tình hình, kết quả thẩm định công nghệ dự án đầu tư *(Biểu số 02.02/KHCNTW-TĐCN)*.

- Tình hình, kết quả cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ *(Mẫu số 11, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ)*.

III. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

1. Phát triển nhân lực khoa học và công nghệ

Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo nhân lực KH&CN *(Biểu số 02.03/KHCNTW-NLKHCN)*.

2. Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Tình hình, kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

- Tình hình triển khai cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập *(Biểu số 02.04/KHCNTW-CCTC)*.

3. Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

- Tình hình thu thập, đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN.

- Tình hình phát triển nguồn tin KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu KH&CN trong nước và quốc tế.

- Tình hình khai thác, sử dụng nguồn tin trên hạ tầng mạng thông tin KH&CN tiên tiến (VinaREN).

(Biểu số 02.05/KHCNTW-TTKHCN).

4. Kinh phí khoa học và công nghệ

Tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN *(Biểu số 02.06/KHCNTW-KP)*

5. Hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Tình hình hoạt động và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN của các bộ, ngành *(Biểu số 02.07/KHCNTW-QUY)*.

IV. Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng

1. Về tiêu chuẩn

Tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành *(Biểu số 02.08/KHCNTW-QCKT)*.

2. Về đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Tình hình công bố hợp chuẩn/hợp quy *(Biểu số 02.09/KHCNTW-HCHQ)*.

- Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành *(Biểu số 02.10/KHCNTW-ĐGSPH)*.

- Tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành *(Biểu số 02.11/KHCNTW-CL)*.

3. Về việc triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Tình hình, kết quả triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010; Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014; Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018; Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019.

4. Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (gọi tắt là hoạt động về TBT)

V. Hoạt động sở hữu trí tuệ

1. Công tác thực thi quyền sở hữu công nghiệp[14]

(Biểu số 02.12/KHCNTW-SHTT).

2. Tình hình triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến[15]

- Hoạt động khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo.

- Phổ biến sáng kiến.

(Mẫu báo cáo được thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 18/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ).

---

[14] Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an báo cáo nội dung này.

[15] Kết quả hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo tại Bộ, ngành (tổ chức hội thi sáng tạo; triển lãm, diễn đàn sáng kiến, tổng kết khen thưởng hoạt động sáng kiến); kết quả hoạt động phổ biến sáng kiến (tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến, hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến từ kinh phí nhà nước, hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến).

VI. Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử

1. Kinh phí đầu tư nghiên cứu - triển khai, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ

2. Dự án đầu tư cho cơ sở ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ

(Cơ sở y học hạt nhân, xạ trị, điện quang, cơ sở chiếu xạ,...).

3. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, cán bộ nghiên cứu, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ

VII. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Kết quả triển khai các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN.

VIII. Đánh giá chung

(Đánh giá cụ thể trong từng lĩnh vực từ mục I đến mục VII Phần I Báo cáo)

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

PHẦN II
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRONG NĂM TIẾP THEO

I. Nhiệm vụ công tác năm tiếp theo

(Nêu cụ thể trong từng lĩnh vực từ mục I đến mục VII Phần I Báo cáo)

II. Giải pháp, kiến nghị, đề xuất

1. Giải pháp thực hiện

2. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....;
- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu số 02.01/KHCNTW-NCKH

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	**Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học**			*Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus*
1				
2				
...				
II	**Sáng chế, giải pháp hữu ích; các loại giống mới; các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới**			*Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)*
1				
2				
...				

III	**Doanh nghiệp KH&CN được hình thành**			*Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...*
1				
2				
...				
IV	**Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình**			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			*Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện.*
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			*Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành; doanh nghiệp, Quỹ PTKH&CN của doanh nghiệp và các nguồn khác).*
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			*Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKH&CN của doanh nghiệp và các nguồn khác).*

V	**Kết quả khác**			*Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả*
1				
2				
...				

2. Kết quả nổi bật về ứng dụng KH&CN

STT	**Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ**	**Xuất xứ** (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ...)	**Hiệu quả kinh tế - xã hội** (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	**Ghi chú**
1				
2				
...				

Biểu số 02.02/KHCNTW-TĐCN

TÌNH HÌNH THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư[16]:

STT	Tên dự án; tên, địa chỉ nhà đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng *(tích dấu "X")*	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/hạn chế chuyển giao *(ghi thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích hoặc hạn chế chuyển giao nếu có)*	Dự án bị từ chối *(nêu lý do từ chối: công nghệ, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc không phù hợp quy hoạch...)*	Ghi chú	
								Ghi "giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư" hoặc "giai đoạn quyết định đầu tư"	*Ghi "thẩm định" hoặc ghi "có ý kiến"*
I	**Dự án quan trọng quốc gia**								
1									
...									
II	**Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**								
1									
...									

[16] *Bộ, ngành báo cáo đối với những dự án do mình là cơ quan có trách nhiệm chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến hoặc do mình là cơ quan được giao đầu mối tổ chức Hội đồng thẩm định Nhà nước hoặc Hội đồng thẩm định liên ngành để thẩm định dự án đầu tư trong đó có thẩm định về công nghệ của dự án.*

2. Đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công:

STT	Tên dự án; tên chủ đầu tư; địa điểm thực hiện dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư; nguồn vốn đầu tư dự án	Tên, xuất xứ công nghệ chính của dự án	Quy mô, công suất, sản phẩm của dự án	Dự án có nhập khẩu máy móc, thiết bị cũ, đã qua sử dụng *(tích dấu "X")*	Dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích/ hạn chế chuyển giao *(ghi thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích hoặc hạn chế chuyển giao nếu có)*	Dự án bị từ chối *(nêu lý do từ chối: công nghệ, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; hoặc không phù hợp quy hoạch...)*	Ghi chú *(ghi "giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư" hoặc "giai đoạn quyết định đầu tư")*
I	**Dự án quan trọng quốc gia**							
1								
2								
...								
II	**Dự án nhóm A**							
1								
2								
...								

III	**Dự án nhóm B**							
1								
2								
...								
IV	**Dự án nhóm C**							
1								
2								
...								

Biểu số 02.03/KHCNTW-NLKHCN

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tình hình, kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*	Kinh phí *(triệu đồng)*
I	**Tuyển dụng đặc cách**		
II	**Bố trí, sử dụng cán bộ KH&CN**		
1	Giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
2	Bố trí, quy hoạch vị trí lãnh đạo trong tổ chức		
III	**Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động KH&CN của đội ngũ cán bộ KH&CN**		
1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động KH&CN theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động KH&CN		
2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức KH&CN		

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*	Kinh phí *(triệu đồng)*
3	Hỗ trợ cá nhân hoạt động KH&CN tham gia hội thảo khoa học trong nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác KH&CN		
IV	**Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN**		
1	Về nâng lương vượt bậc		
2	Về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác		
3	Về kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ		
4	Về nhà khoa học đầu ngành		
5	Về nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng		
6	Về nhà khoa học trẻ tài năng		
7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ KH&CN		
7.1	Nâng cao trình độ chuyên môn		
7.2	Kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ		
7.3	Đào tạo theo nhóm nghiên cứu		
...	...		

2. Tình hình, kết quả đào tạo nhân lực KH&CN

STT	Nội dung	Số lượng *(người)*		Kinh phí *(triệu đồng)*
		Đào tạo trong nước	Đào tạo nước ngoài	
1	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia KH&CN			
2	Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm nghiên cứu			
3	Bồi dưỡng sau tiến sỹ			
4	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý KH&CN			
5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN			
6	Bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng khác (đề nghị thống kê nội dung cụ thể).			

Biểu số 02.04/KHCNTW-CCTC

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CƠ CHẾ TỰ CHỦ
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I	**Tổng số tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý**		
1	Số tổ chức chưa phê duyệt phương án tự chủ		
2	Số tổ chức đã phê duyệt phương án tự chủ		
2.1	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
2.2	Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên		
2.3	Số tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		
2.4	Số tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		
3	Số tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp		
II	**Số tổ chức đã chuyển thành công ty cổ phần**		

Biểu số 02.05/KHCNTW-TTKHCN

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN

Tổng số nhiệm vụ KH&CN	Số nhiệm vụ đang tiến hành	Số nhiệm vụ được nghiệm thu và đăng ký kết quả	Số nhiệm vụ đã đưa vào ứng dụng

2. Công tác phát triển nguồn tin KH&CN

STT	Loại nguồn tin KH&CN	Mua bằng NSNN		Trao đổi/Biếu tặng		Tự xuất bản	
		Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử	Dạng giấy	Dạng điện tử
1	Sách *(số tên)*						
2	Báo/Bản tin *(số lượng)*						
3	Tạp chí/ấn phẩm liên tục *(số lượng)*						
4	Cơ sở dữ liệu *(số CSDL)*						
5	Loại khác *(ghi cụ thể loại tài liệu, số lượng)*						

3. Cơ sở dữ liệu KH&CN trong nước và quốc tế

STT	Tên cơ sở dữ liệu	Loại cơ sở dữ liệu *(thư mục, tóm tắt, toàn văn)*	Tổng số biểu ghi	Cho phép khai thác online *(Có/Không)*
1				
2..				

Biểu số 02.06/KHCNTW-KP

TÌNH HÌNH PHÂN BỔ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày.... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí TW giao	Kinh phí do Bộ, ngành phê duyệt	Kinh phí thực hiện
A	**Kinh phí sự nghiệp KH&CN (I+II)**	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*
I	**Nhiệm vụ cấp quốc gia**			
	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia			
II	**Nhiệm vụ cấp Bộ**			
1	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ			
3	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước			
7	Chi nâng cao năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp			
8	Chi khác			
B	**Kinh phí đầu tư phát triển**	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*
I	Dự án 1			
II	Dự án 2			
...				
	Tổng số (A+B)	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*	*(Tổng số)*

Biểu số 02.07/KHCNTW-QUY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện
1	Hoạt động tài trợ	
2	Hoạt động nâng cao năng lực	
3	Bảo lãnh vốn vay	
4	Cho vay	
5	Các hoạt động khác	
	Tổng số	

Biểu số 02.08/KHCNTW-QCKT

TÌNH HÌNH BAN HÀNH
QUY CHUẨN KỸ THUẬT CỦA CÁC BỘ, NGÀNH
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật bộ, ngành	Ký hiệu quy chuẩn bộ, ngành
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					

Biểu số 02.09/KHCNTW-HCHQ

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN
HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Số tiếp nhận	Tên tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Tiêu chuẩn/ quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ghi chú
					Bên thứ nhất (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/ được chỉ định)	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
1							
2							
3							
4							
....							

Tổng số hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy đã tiếp nhận:.....

Biểu số 02.10/KHCNTW-ĐGSPH

TÌNH HÌNH CHỈ ĐỊNH
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp	Số Quyết định	Ngày ban hành	Lĩnh vực/ đối tượng	Hình thức		
					Chỉ định lần đầu	Thay đổi, bổ sung	Hủy bỏ hiệu lực/ Giải thể
1							
2							
3							
4							
5							
....							
	Tổng số				**...**	**...**	**...**

Biểu số 02.11/KHCNTW-CL

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT/TRONG NHẬP KHẨU/ TRONG LƯU THÔNG[17]

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Chủng loại hàng hóa được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số lượng SPHH được thanh tra, kiểm tra	Hàng hóa vi phạm		Cơ sở vi phạm		Kết quả xử lý
				Số lượng	Giá trị	Số lượt cơ sở vi phạm	Số lượt cơ sở bị xử lý	
1								
2								
3								
4								
...								
Tổng								

[17] Kết quả tình hình thanh tra, kiểm tra cần tách thành các Phụ lục riêng đối với từng loại hình thanh tra, kiểm tra (sản xuất, nhập khẩu, lưu thông).

Biểu số 02.12/KHCNTW-SHTT

CÔNG TÁC THỰC THI
QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hoạt động đào tạo, tuyên truyền về sở hữu công nghiệp

STT	Nội dung đào tạo, tuyên truyền	Hình thức đào tạo, tuyên truyền	Đối tượng chính	Cơ quan/tổ chức	Số học viên	Thời gian
1						
2						
...						

2. Hoạt động xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

STT	Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm	Số vụ việc	Kết quả		Sản phẩm bị xử lý	Số vụ việc cần xin ý kiến chuyên môn hoặc giám định
			Phạt cảnh cáo	Phạt tiền		
1	Nhãn hiệu					
2	Chỉ dẫn địa lý					
3	Kiểu dáng công nghiệp					
4	Sáng chế					
5	Giải pháp hữu ích					
6	Các đối tượng khác (Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tên thương mại...)					

Mẫu số 03
03/2019/TT-BKHCN

CƠ QUAN CHỦ QUẢN KHU CNC **BAN QUẢN LÝ KHU CNC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-KCNC	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động của Khu Công nghệ cao

Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Phần I
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM...

I. Tình hình đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao

1. Công tác giải phóng mặt bằng: *(cung cấp thông tin/số liệu trong năm đến thời điểm báo cáo và số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

.....

2. Công tác quy hoạch, xây dựng và môi trường: *(cung cấp thông tin/số liệu trong năm đến thời điểm báo cáo và số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

- Công tác quy hoạch và quản lý xây dựng, đất đai:.....

- Công tác môi trường:.....

3. Công tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: *(cung cấp thông tin/số liệu trong năm đến thời điểm báo cáo và số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

- Công tác triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:.....

- Nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:.....

(Biểu số 03.01/KCNC-ĐTXD: Tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật).

4. Đánh giá: *(đánh giá tình hình triển khai trong năm đến thời điểm báo cáo và lũy kế đến thời điểm báo cáo).*

II. Kết quả hoạt động

(Cung cấp thông tin/số liệu trong năm đến thời điểm báo cáo và số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo).

1. Về thu hút đầu tư, triển khai dự án và hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Về thu hút đầu tư:

Xác định rõ số lượng giấy chứng nhận đầu tư cấp mới, rà soát, điều chỉnh thu hồi (nếu có); lũy kế số dự án đầu tư còn hiệu lực (tách dự án trong nước và FDI), tổng vốn đầu tư đăng ký, tổng diện tích sử dụng, lĩnh vực đầu tư.

1.2. Về quản lý hoạt động của doanh nghiệp:

- Xác định rõ số lượng dự án đang hoạt động, dự án đang xây dựng, dự án đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

- Ước giá trị sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong năm của khu công nghệ cao; lũy kế, trong đó xác định giá nhập khẩu, giá trị xuất khẩu.

- Cung cấp số liệu nộp ngân sách nhà nước.

- Cung cấp số liệu tổng lao động trong năm (phân loại theo trình độ, trong nước và nước ngoài).

1.3. Đánh giá: *(tập trung đánh giá kết quả đạt được trên cơ sở nhiệm vụ đặt ra đến các kỳ báo cáo (vượt, đạt, chưa đạt chỉ tiêu); xác định khó khăn, vướng mắc (nếu có) làm cơ sở đề xuất, kiến nghị).*

(Biểu số 03.02/KCNC-ĐT: Tình hình đầu tư).

2. Về công tác nghiên cứu và triển khai, đào tạo và ươm tạo

2.1. Nghiên cứu và triển khai:.....

2.2. Hoạt động đào tạo:.....

2.3. Hoạt động ươm tạo:.....

2.4. Hoạt động KH&CN tại các doanh nghiệp trong khu công nghệ cao:.....

2.5. Đánh giá:

3. Các công tác khác

.....

Đánh giá (tập trung đánh giá kết quả đạt được trên cơ sở nhiệm vụ đặt ra đến các kỳ báo cáo (vượt, đạt, chưa đạt chỉ tiêu); xác định khó khăn, vướng mắc (nếu có) làm cơ sở đề xuất, kiến nghị).

Phần II

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM... (năm tiếp theo)

I. Mục tiêu

II. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu

1. Về đầu tư xây dựng:.....

2. Về thu hút đầu tư:.....

3. Về giá trị sản xuất:.....

4. Về các chỉ tiêu khác:.....

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về đầu tư xây dựng:.....

2. Về thu hút đầu tư, quản lý hoạt động doanh nghiệp:.....

3. Hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo:.....

4. Các hoạt động khác:.....

Phần III

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Kiến nghị

II. Đề xuất

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT;...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Biểu số 03.01/KCNC-ĐTXD

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Ban quản lý Khu Công nghệ cao...

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm....	Giá trị luỹ kế từ đầu năm đến 15/12/.....			Giá trị luỹ kế từ đầu[18] đến 15/12/.....		
				Thực hiện	Giải ngân	% giải ngân/ vốn cấp	Thực hiện	Giải ngân	% giải ngân/ vốn cấp
I	**Giai đoạn I**								
1	Đền bù giải tỏa								
2	Tái định cư								
3	Xây dựng hạ tầng								
4	Quy hoạch								
5	Các dự án khác								
II	**Giai đoạn II**								
...	**...**								
	Tổng cộng								

[18] Được hiểu là từ thời điểm khởi công dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao.

Biểu số 03.02/KCNC-ĐT

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

Ban quản lý Khu Công nghệ cao...

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Số TT	Nội dung	Trong năm...		Lũy kế từ đầu[19] đến 15/12/20.... *(triệu USD)*	Ghi chú
		Số lượng	Giá trị *(triệu USD)*		
I	**Cấp giấy chứng nhận đầu tư[20]**				
1	Số lượng dự án trong nước				
2	Số lượng dự án FDI				
II	**Vốn đầu tư** *(triệu USD)*[21]				
1	Trong nước				
2	FDI				
III	**Tình hình triển khai các dự án đầu tư[22]**				
1	Số lượng dự án đang hoạt động				
2	Số lượng dự án đang xây dựng và đang làm thủ tục xây dựng				
3	Số lượng dự án chậm triển khai				

[19] Được hiểu là từ thời điểm khởi công dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao.
[20] Đối với dự án còn hiệu lực
[21] Đối với dự án còn hiệu lực
[22] Cung cấp thông tin số lượng các dự án điều chỉnh vốn đăng ký đầu tư, rút giấy chứng nhận đầu tư trong phần ghi chú (nếu có)

IV	**Nộp ngân sách Nhà nước** *(triệu USD)*				
V	**Giá trị sản xuất** *(triệu USD)*				
VI	**Giá trị xuất, nhập khẩu** *(triệu USD)*				
1	Nhập khẩu				
2	Xuất khẩu				
VII	**Giải ngân vốn đầu tư đã thực hiện** *(triệu USD)*				
...	**...**				

Mẫu số 04
03/2019/TT-BKHCN

BỘ, NGÀNH, **ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025"
Kỳ báo cáo: Năm
(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Khoản 5 Điều 15 Thông tư số 01/2018/TT-BKHCN ngày 12/4/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tổ chức quản lý đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025", Bộ, ngành/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kết quả triển khai như sau:

I. Kết quả triển khai (theo quyết định, kế hoạch đã phê duyệt...)

1. Thông tin về nhiệm vụ

Tên nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, chủ nhiệm, các nội dung chính...

2. Thống kê các hoạt động chính đã thực hiện của nhiệm vụ

Hội thảo, cuộc thi, điều tra khảo sát, khóa đào tạo....

3. Kết quả hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

(Biểu số 04.01/ĐMST)

II. Nhận xét, đánh giá

1. Mặt tích cực

2. Một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc

3. Nguyên nhân

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất

- Đề xuất chính sách:
- Đề xuất hỗ trợ hoạt động:

2. Kiến nghị

Nơi nhận: - Như trên; -.....; - Lưu: VT.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)*

Biểu số 04.01/ĐMST

KẾT QUẢ HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Kỳ báo cáo: Năm

(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Các chính sách liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp *(tên, nội dung)*			
2	Danh sách doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo *(dựa trên định nghĩa của Đề án 844; định nghĩa của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; dựa trên ngành nghề liên quan đến công nghệ, sáng tạo; lấy từ danh sách các startup tham gia các vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh)*	Doanh nghiệp		Nộp danh sách kèm theo
3	Danh sách các cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức (quỹ đầu tư hoặc công ty đầu tư) cho khởi nghiệp sáng tạo	Tổ chức		Nộp danh sách kèm theo
4	Số lượng chương trình, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ *(tên, nội dung, kinh phí đã được duyệt, kinh phí đã giải ngân)*	Dự án		
5	Số lượng dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ *(tên, nội dung, kinh phí đã được duyệt, kinh phí đã giải ngân)*	Dự án		Nộp danh sách kèm theo